

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG  
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 15 (CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Tờ trình số 1726/TTr-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Báo cáo thẩm tra số 35/BC-HĐND ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương, cụ thể như sau:

**1. Đối tượng nộp phí**

Tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

**2. Tổ chức thu phí**

Cơ quan có nhiệm vụ thu phí là Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường), Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh.

**3. Mức thu phí: Phụ lục kèm theo.**

**4. Quản lý phí**

Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường là khoản thu ngân sách nhà nước. Cơ quan thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo quy định. Nguồn chi phí trang trải cho hoạt động thẩm định, thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa X, kỳ họp thứ 15 (chuyên đề) thông qua ngày 06 tháng 6 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày

01 tháng 7 năm 2024; thay thế Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND và UBND cấp huyện;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Trung tâm Công báo tỉnh Bình Dương;
- Website, Báo, Đài PTTH Bình Dương;
- Các phòng thuộc Văn phòng, App, Web;
- Lưu: VT, Tm, Tn (4).

**CHỦ TỊCH**



*hệ*

**Nguyễn Văn Lộc**

**Phụ lục**  
**MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**  
**VÀ PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 07 tháng 6 năm 2024  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

1. Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| Nhóm dự án  | Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng) |               | > 100 và ≤ 200 | > 200 và ≤ 500 | > 500 |
|---|---------------------------|---------------|----------------|----------------|-------|
|   | ≤ 50                      | > 50 và ≤ 100 |                |                |       |
| Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường     | 5,0                       | 6,5           | 12,0           | 14,0           | 17,0  |
| Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng                         | 6,9                       | 8,5           | 15,0           | 16,0           | 25,0  |
| Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật                            | 7,5                       | 9,5           | 17,0           | 18,0           | 25,0  |
| Nhóm 4. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản           | 5,0                       | 9,5           | 17,0           | 18,0           | 24,0  |
| Nhóm 5. Dự án giao thông                                  | 8,1                       | 10,0          | 18,0           | 20,0           | 25,0  |
| Nhóm 6. Dự án công nghiệp                                 | 8,4                       | 10,5          | 19,0           | 20,0           | 26,0  |
| Nhóm 7. Dự án về khai thác, chế biến khoáng sản           | 10                        | 12            | 20             | 21             | 27    |
| Nhóm 8. Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7) | 5,0                       | 6,0           | 10,8           | 12,0           | 15,6  |

Trường hợp các dự án từ 02 nhóm trở lên: Mức thu phí theo nhóm dự án có mức thu phí cao nhất.

2. Mức thu phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| Nhóm dự án                                       | Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng) |               | > 100 và ≤ 200 | > 200 và ≤ 500 | > 500 |
|--|---------------------------|---------------|----------------|----------------|-------|
|  | ≤ 50                      | > 50 và ≤ 100 |                |                |       |
| Dự án về thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản | 10,0                      | 12,0          | 20,0           | 21,0           | 27,0  |

3. Trường hợp thẩm định lại (từ lần 2) nếu hợp thẩm định lần 1 không đạt yêu cầu: Mức thu phí bằng 60% mức thu quy định tại mục 1 và 2 của phụ lục này./.